TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TƠ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số**:** 08/2019/QĐST- HNGĐ	*Ba Tơ, ngày 05 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí K - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi;

Địa chỉ trụ sở làm việc: đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn O, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Phạm Văn O.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Chị Phạm Thị M và anh Phạm Văn O có 02 người con chung tên: Phạm Thị Đ, sinh ngày 15/7/2005 và Phạm Thị B, sinh ngày 20/5/2007. Giao hai con chung cho chị M nuôi dưỡng; Anh O có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) để chị M nuôi cháu B cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tên Phạm Thị B kể từ tháng 4 năm

2019.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh O có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về án phí dân sự thuận tình ly hôn và án phí dân sự cấp dưỡng nuôi con:** Chị M tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm thuận tình ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) và tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) mà chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 011361 ngày 20/3/2019.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND H. Ba Tơ;
- Chi cục THADS H. Ba Tơ;
- UBND xã Ba T;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Ngô Văn Ngoan